

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 18/10/2020

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành			
1	Hoàng Thị Lan Anh	01/08/1998	Nghệ An	7.3	8.5	298/QĐ230	1140951	
2	Hoàng Trí Chiến	03/06/1982	Hà Tĩnh	5.3	8.0	299/QĐ230	1140952	
3	Bùi Văn Chương	27/06/1983	Nghệ An	7.3	8.5	300/QĐ230	1140953	
4	Nguyễn Văn Đạo	19/05/1979	Nghệ An	5.7	6.0	301/QĐ230	1140954	
5	Nguyễn Hữu Đông	28/10/1976	Nghệ An	6.3	6.0	302/QĐ230	1140955	
6	Bùi Xuân Đức	09/09/1978	Nghệ An	5.3	5.5	303/QĐ230	1140956	
7	Tạ Bá Dũng	16/09/1982	Nghệ An	6.7	5.5	304/QĐ230	1140957	
8	Nguyễn Thu Hà	06/03/1997	Nghệ An	6.3	7.5	305/QĐ230	1140958	
9	Trần Thị Hà	10/03/1993	Nghệ An	5.7	6.0	306/QĐ230	1140959	
10	Nguyễn Trung Hiếu	30/08/1985	Nghệ An	5.7	8.0	307/QĐ230	1140960	
11	Nguyễn Thị Thiên Huế	01/11/1999	Nghệ An	6.7	7.0	308/QĐ230	1140961	
12	Nguyễn Thị Hương	27/09/1994	Nghệ An	6.3	8.0	309/QĐ230	1140962	
13	Trần Thị Hương	06/08/1993	Hà Tĩnh	5.7	6.0	310/QĐ230	1140963	
14	Chu Văn Lệ	03/03/1988	Nghệ An	6.0	5.0	311/QĐ230	1140964	
15	Trần Anh Liễu	04/01/1979	Hà Tĩnh	6.3	5.0	312/QĐ230	1140965	
16	Nguyễn Công Linh	26/03/1989	Nghệ An	6.7	8.0	313/QĐ230	1140966	
17	Nguyễn Thị Thanh Nga	22/12/1981	Nghệ An	5.7	6.0	314/QĐ230	1140967	
18	Nguyễn Thị Nguyệt	19/03/1986	Nghệ An	5.7	8.0	315/QĐ230	1140968	
19	Nguyễn Thành Quang	29/08/1983	Nghệ An	6.0	5.0	316/QĐ230	1140969	
20	Nguyễn Thị Thanh	18/05/1993	Nghệ An	6.3	6.0	317/QĐ230	1140970	
21	Nguyễn Đăng Tú	28/07/1973	Nghệ An	5.3	5.5	318/QĐ230	1140971	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành			

